

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau.

1.2. Nhà tài trợ: Ngân hàng Tái thiết Đức (KFW)

1.3. Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh An Giang

1.4. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng tỉnh An Giang

1.5. Mục tiêu của dự án:

a) Mục tiêu tổng quát:

- Củng cố, nâng cấp và xây dựng hoàn thiện hệ thống đê biển phòng tránh, giảm thiểu những tác động bất lợi từ biển và tạo động lực phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Kết hợp khai thác giao thông trên mặt đê nhằm hoàn thiện mạng lưới giao thông liên vùng phù hợp với quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch khác tạo tiền đề cho dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng chủ động thích ứng biến đổi khí hậu; sắp xếp và ổn định dân cư ven biển; và tạo điều kiện thuận lợi để xử lý những tình huống ứng phó khẩn cấp thiên tai tại địa phương;

- Mở rộng không gian phát triển và tạo các hành lang để phát triển kinh tế, tạo quỹ đất cho sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả tài nguyên biển và vùng ven biển, phát triển kinh tế biển theo chiến lược biển Việt Nam; Thu hút đầu tư phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu đô thị, du lịch, nuôi trồng thủy sản; tăng cường củng cố an ninh quốc phòng.

b) Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thiện hệ thống chống sạt lở bờ biển (khoảng 57km) trên tuyến đê biển An Biên, An Minh; xây dựng khoảng 15km kè chắn sóng và trồng mới khoảng 510 ha rừng phòng hộ bảo vệ đê biển;

- Kết hợp cùng với dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở khu vực huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang trước đây thuộc dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL) và dự án 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang (nay thuộc tỉnh An Giang) nâng cao khả năng thích ứng biến đổi khí hậu cho khu vực, giải quyết vấn đề xâm nhập mặn và xói lở bờ biển;

- Xây dựng khoảng 69,39 km đường bộ ven biển quy mô đường cấp III -

đồng bằng, vận tốc thiết kế 80 km/h kết nối vào tuyến đường bộ ven biển tỉnh Cà Mau, góp phần hoàn thiện hệ thống đường hành lang ven biển địa phận khu vực tỉnh Kiên Giang trước đây.

1.6. Quy mô và nội dung đầu tư:

- Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau đạt quy mô đường cấp III – đồng bằng, vận tốc thiết kế 80km/h với tổng chiều dài tuyến khoảng 69,39 km;

- Hệ thống kè chắn sóng dọc bờ biển từ vị trí kênh Thứ Hai Km20+650 đến kênh Xẻo Bần Km35+770 có chiều dài khoảng 15km, kết cấu kè gồm hai hàng cọc dự ứng lực D300A cách nhau 2,6m các đầu cọc được liên kết với nhau bằng dầm dọc và dầm ngang BTCT, giữa 2 hàng cọc rải đá hộc bằng cao độ mặt dầm. Chiều dài cọc dự kiến khoảng 6-10m;

- Trồng rừng ngập mặn trong phạm vi đầu tư giữa bờ biển và kè chắn sóng khu vực từ cống Thứ Hai Km20+750 đến Thứ Tám Km38+500 bố trí trồng rừng ngập mặn, giúp bảo vệ các công trình ven biển và làm nơi cư trú của các loại động thực vật biển với diện tích khoảng 510 ha.

1.7. Nhóm dự án và loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp II.

1.8. Địa điểm thực hiện Dự án: Khu vực Huyện An Biên và huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang trước đây (nay thuộc tỉnh An Giang).

1.9. Tổng mức đầu tư dự kiến: 2.326.000 triệu đồng (Hai nghìn, ba trăm hai mươi sáu tỷ đồng), tương đương với 90,390 triệu EUR, tương đương 98.509.233 USD (Tỷ giá 1EUR = 25.733 VND; 1USD = 23.612 VND), trong đó:

- Vốn vay KFW: 71,479 triệu EUR, tương đương 77,890 triệu USD, tương đương 1.839.366 triệu đồng.

- Vốn đối ứng: 486.634 triệu đồng, tương đương 18,911 triệu EUR.

1.10. Cơ cấu nguồn vốn:

- Đối với nguồn vốn ODA: Ngân sách Trung ương cấp phát 90%, tỉnh Kiên Giang vay lại 10%;

- Đối với nguồn vốn đối ứng: Tỉnh Kiên Giang tự cân đối 100% từ nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương.

2. Mô tả khái quát về gói thầu

2.1. Tên gói thầu: Gói thầu số ...: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường xã hội, tái định cư, biến đổi khí hậu và thiết kế, cắm cọc phục vụ công tác GPMB thuộc Dự án Đầu tư xây dựng đường

bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau.

2.2. Nội dung gói thầu: Khảo sát xây dựng phục vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi cho dự án theo quy định của Luật xây dựng; Khảo sát và dự báo nhu cầu giao thông; Khảo sát, mô phỏng, đánh giá thủy động lực phục vụ thiết kế công trình; Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để phê duyệt theo quy định của Việt Nam (tuân thủ quy định của Luật Xây dựng, Luật đầu tư công và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan, đồng thời được Nhà tài trợ Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) chấp thuận); báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm cả cấu phần xây dựng và phi xây dựng (trồng rừng ngập mặn); Lập các báo cáo tuân thủ chính sách môi trường xã hội và khí hậu, tái định cư, phục hồi sinh kế theo quy định của nhà tài trợ KfW (Các tài liệu sẽ được chuyên gia của KfW góp ý hoàn thiện trước khi đệ trình KfW chấp thuận, không phản đối).

2.3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Lựa chọn nhà thầu Tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp dịch vụ Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường xã hội, tái định cư, biến đổi khí hậu và thiết kế, cấm cọc phục vụ công tác GPMB Dự án đầu tư xây dựng đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng theo quy định về quản lý chất lượng công trình.

Nhà thầu Tư vấn cần lập Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Luật Xây dựng, Luật đầu tư công, Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của Pháp luật có liên quan, đủ điều kiện trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của Chính phủ Việt Nam. Đồng thời, hồ sơ cũng cần đáp ứng hài hòa các quy định về mục tiêu, thiết kế dự án và các chính sách an toàn của Nhà tài trợ (Ngân hàng Tái thiết Đức KfW) làm cơ sở phục vụ đàm phán ký kết Hiệp định vay vốn.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu

1.1. Nhiệm vụ khảo sát xây dựng (phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi)

Công tác khảo sát xây dựng được thực hiện trên toàn phạm vi các hạng mục xây dựng của dự án như sau:

- Phần tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh khu vực tỉnh Kiên Giang trước đây với tỉnh Cà Mau: thực hiện trên phạm vi toàn tuyến từ Km86+130, QL63 tới đường ven biển tỉnh Cà Mau, chiều dài khoảng 69,39km;

- Phần kè chắn sóng: thực hiện trên toàn bộ chiều dài tuyến kè từ vị trí kênh Thứ Hai tới kênh Xẻo Bần, chiều dài khoảng 15,0km;

- Phần trồng rừng ngập mặn: phạm vi là vùng diện tích giữa bờ biển và kè

chấn sóng khu vực từ cống Kênh Thứ Hai đến cống Kênh Thứ Tám.

- Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các công việc theo bảng tiên lượng dưới đây đảm bảo tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

STT	MÔ TẢ CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG		
			Đường ven biển	Kè chắn sóng	Tổng
I	Công tác điều tra, thu thập tài liệu				
1	Thu thập tài liệu quy hoạch, kinh tế, xã hội và các tài liệu liên quan, bao gồm các thoả thuận với cơ quan quản lý	công	10		10
2	Mua niên giám thống kê tỉnh Kiên Giang năm 2024	Quyển	1		1
3	Mua mốc cao độ nhà nước hạng III	mốc	3		3
4	Mua mốc tọa độ nhà nước hạng III	mốc	3		3
5	Mua số liệu trạm khí tượng (số liệu lượng mưa 1,3,5,7 ngày lớn nhất trong kỳ quan trắc,...)	Trạm	2		2
6	Mua số liệu trạm thủy văn (Mực nước, lưu lượng,...)	Trạm	2		2
II	Khảo sát địa hình				-
2.1	Lập lưới không chế mặt bằng và độ cao				-
-	Lưới khống chế mặt bằng hạng IV (GPS), địa hình cấp II	điểm	24		24
-	Lưới độ cao hạng IV, địa hình cấp II	km	79,39		79,39
-	Lưới đường chuyên cấp 2, địa hình cấp II	điểm	279	23	302
-	Thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp II	km	69,39	15	84,39
2.2	Khảo sát tuyến đường ven biển				-
*	Phấn tuyến				-
-	Đo vẽ bình đồ trên cạn, tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, địa hình cấp II	100ha	2,741		2,741
-	Đo đạc bình đồ dưới nước tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, địa hình cấp I	100ha	1,371		1,371
-	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến trên cạn tỷ lệ 1/500, 1/5.000, địa hình cấp III	100m	688,256		688,256
-	Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn tỷ lệ 1/200, địa hình cấp III	100m	413,20		413,20

STT	MÔ TẢ CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG		
			Đường ven biển	Kè chắn sóng	Tổng
-	Đo vẽ mặt cắt ngang dưới nước tỷ lệ 1/200, địa hình cấp I	100m	206,60		206,60
*	Phần cầu lớn (01 cầu)				-
-	Đo vẽ bình đồ cầu lớn trên cạn tỷ lệ 1/1.000, địa hình cấp II	100ha	0,0051		0,005
-	Đo vẽ bình đồ cầu lớn dưới nước tỷ lệ 1/1.000, địa hình cấp I	100ha	0,034		0,034
-	Đo vẽ mặt cắt dọc tim cầu lớn trên cạn theo phương dọc cầu tỷ lệ 1/100; 1/1.000, địa hình cấp III	100m	4,414		4,414
-	Đo vẽ mặt cắt dọc tim cầu lớn dưới nước theo phương dọc cầu tỷ lệ 1/100; 1/1.000, địa hình cấp I	100m	0,500		0,500
-	Đo vẽ mặt cắt dọc lòng sông cầu lớn dưới nước, tỷ lệ 1/100; 1/1.000, địa hình cấp I	100m	2,00		2,00
*	Phần cầu trung (07 cầu)				-
-	Đo vẽ bình đồ cầu trung trên cạn tỷ lệ 1/500, địa hình cấp II	ha	1,344		1,344
-	Đo vẽ bình đồ cầu trung dưới nước tỷ lệ 1/500, địa hình cấp I	100ha	5,586		5,586
-	Đo vẽ mặt cắt dọc tim cầu trung trên cạn theo phương dọc cầu tỷ lệ 1/50; 1/500, địa hình cấp III	100m	4,480		4,480
-	Đo vẽ mặt cắt dọc tim cầu trung dưới nước theo phương dọc cầu tỷ lệ 1/50; 1/500, địa hình cấp I	100m	2,45		2,45
-	Đo vẽ mặt cắt dọc lòng sông cầu trung dưới nước tỷ lệ 1/50; 1/500, địa hình cấp I	100m	7,00		7,00
2.3	Khảo sát nút giao, đường giao dân sinh				-
-	Đo vẽ bình đồ nút giao (3 vị trí) trên cạn tỷ lệ 1/1000 đường đồng mức 1m, địa hình cấp II	100ha	0,03		0,030
-	Thống kê các vị trí giao cắt đường dân sinh và khảo sát các công trình liên quan đến tuyến	công	7		7
2.4	Phần kè chắn sóng				-
-	Đo vẽ bình đồ dưới nước tỷ lệ 1/2.000, địa hình cấp V	100ha		3,00	3,00

STT	MÔ TẢ CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG		
			Đường ven biển	Kè chắn sóng	Tổng
-	Đo vẽ mặt cắt dọc dưới nước tỷ lệ 1/500; 1/5.000, địa hình cấp V	100m		150,00	150,00
-	Đo vẽ mặt cắt ngang dưới nước tỷ lệ 1/200, địa hình cấp V	100m		150,00	150,00
III	Khảo sát thủy văn				-
-	Điều tra cụm mực nước	công	40,0		40,0
-	Đo vẽ mặt cắt lưu lượng (mặt cắt ngang sông) tỷ lệ 1/100; 1/500, địa hình cấp I	100m	21,9		21,9
-	Đo vẽ mặt cắt dọc lòng sông, suối và mặt nước tỷ lệ 1/50; 1/500, địa hình cấp I	100m	8,00		8
IV	Khảo sát địa chất				-
	Khoan nền đường thông thường (trên cạn)	lỗ	12		
-	Khoan nền đường đất yếu (trên cạn)	lỗ	163,000		163
-	Phần cầu	lỗ	10		10
+	<i>Trên cạn (lỗ khoan móng)</i>	lỗ	9		9
+	<i>Dưới nước (lỗ khoan trụ)</i>	lỗ	1		1
-	Phần kè chắn sóng (dưới nước)	lỗ		50	50
-	Công tác khoan				
+	Khoan xoay bơm rửa lấy mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan 25m, đất đá cấp I-III (khoan nền đường đất yếu)	m	3.344,000		3.344
+	Khoan xoay bơm rửa lấy mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan 50m, đất đá cấp I-III (Khoan móng cầu)	m	450		450
+	Khoan xoay bơm rửa lấy mẫu ở dưới nước, độ sâu hố khoan 50m, đất đá cấp I-III (Khoan móng cầu)	m	50		50
+	Khoan xoay bơm rửa lấy mẫu ở dưới nước, độ sâu hố khoan 15m, đất đá cấp I-III (Khoan kè)	m		750	750
4.1.1	Thí nghiệm hiện trường				-
-	Thí nghiệm SPT	lần	1922	375	2.297
-	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường	điểm	1.557	450	2.007
4.1.2	Thí nghiệm trong phòng				-

STT	MÔ TẢ CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG		
			Đường ven biển	Kè chắn sóng	Tổng
	<i>Số lượng mẫu lấy</i>	<i>mẫu</i>	1922	375	2.297
	<i>Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm:</i>	<i>mẫu</i>	1153	225	1.378
-	Thí nghiệm mẫu nguyên dạng	mẫu	807	158	965
+	<i>Chỉ tiêu Thành phần hạt</i>	<i>chỉ tiêu</i>	807	158	965
+	<i>Chỉ tiêu Độ ẩm</i>	<i>chỉ tiêu</i>	807	158	965
+	<i>Chỉ tiêu Dung trọng</i>	<i>chỉ tiêu</i>	807	158	965
+	<i>Chỉ tiêu Tỷ trọng</i>	<i>chỉ tiêu</i>	807	158	965
+	<i>Chỉ tiêu Độ ẩm giới hạn chảy, giới hạn dẻo</i>	<i>chỉ tiêu</i>	807	158	965
+	<i>Sức chống cắt trên máy cắt phẳng (c, ϕ)</i>	<i>chỉ tiêu</i>	807	158	965
+	<i>Tính nén lún trong điều kiện không nở hông</i>	<i>chỉ tiêu</i>	807	158	965
-	Thí nghiệm mẫu không nguyên dạng (đất dính)	mẫu	231	45	276
+	<i>Chỉ tiêu Thành phần hạt</i>	<i>chỉ tiêu</i>	231	45	276
+	<i>Chỉ tiêu Độ ẩm giới hạn chảy, giới hạn dẻo</i>	<i>chỉ tiêu</i>	231	45	276
-	Thí nghiệm mẫu không nguyên dạng (đất rời)	mẫu	115	22	137
+	<i>Chỉ tiêu Thành phần hạt</i>	<i>chỉ tiêu</i>	115	22	137
+	<i>Chỉ tiêu Góc nghỉ khô, góc nghỉ ướt</i>	<i>chỉ tiêu</i>	115	22	137
+	<i>Chỉ tiêu Hệ số rỗng (nhỏ nhất, lớn nhất)</i>	<i>chỉ tiêu</i>	115	22	137
-	Thí nghiệm phân tích mẫu nước	mẫu	24	4	28
+	<i>Chỉ tiêu độ pH</i>	<i>chỉ tiêu</i>	24	4	28
+	<i>Chỉ tiêu Tổng hợp muối hòa tan</i>	<i>chỉ tiêu</i>	24	4	28
+	<i>Chỉ tiêu Hàm lượng SO4-2</i>	<i>chỉ tiêu</i>	24	4	28

STT	MÔ TẢ CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG		
			Đường ven biển	Kè chắn sóng	Tổng
+	Chỉ tiêu Hàm lượng ion CL-	Chỉ tiêu	24	4	28
+	Chỉ tiêu Màu sắc, mùi vị	Chỉ tiêu	24	4	28
+	Chỉ tiêu Hàm lượng clorua	Chỉ tiêu	24	4	28
+	Chỉ tiêu Hàm lượng Nitrit, Nitrat	Chỉ tiêu	24	4	28
+	Chỉ tiêu Hàm lượng Amoniac	Chỉ tiêu	24	4	28
+	Chỉ tiêu Lượng cặn không tan	Chỉ tiêu	24	4	28
	Thí nghiệm khác				
	* Phần cầu				
	Thí nghiệm nén lún trong điều kiện không nở hông				
	Thí nghiệm nén cố kết mẫu CV (1 chỉ tiêu / 1 lỗ khoan)	Chỉ tiêu	9		
	Thí nghiệm nén 3 trục sơ đồ UU (1 chỉ tiêu / 1 lỗ khoan)	Chỉ tiêu	9		
	Thí nghiệm nén 3 trục sơ đồ CU (1 chỉ tiêu / 1 lỗ khoan)	Chỉ tiêu	9		
	Thí nghiệm nén 1 trục trong điều kiện có nở hông (qu)	Chỉ tiêu	30		
	* Phần đường				
	Thí nghiệm nén cố kết mẫu CV (1 chỉ tiêu / 1 lỗ khoan)		163,000		
	Thí nghiệm nén 3 trục sơ đồ CU (1 chỉ tiêu / 5 lỗ khoan)		34,000		
V	Khảo sát mỏ vật liệu, bãi đổ vật liệu thừa				-
5.1	Làm việc với địa phương, khảo sát, điều tra mỏ vật liệu				-
-	Điều tra mỏ vật liệu xây dựng	Công	6		6
-	Rà soát cung đường vận chuyển, điều tra trữ lượng còn lại, công suất khai thác, báo giá sản phẩm, lấy mẫu vật liệu (1 mẫu/mỏ)	Công	12		12
5.2	Điều tra bãi đổ vật liệu thừa	Công	4		4

STT	MÔ TẢ CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG		
			Đường ven biển	Kè chắn sóng	Tổng
VI	Điều tra, khảo sát trồng rừng ngập mặn				
-	Mua bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000	Mảnh			5
-	Điều tra, rà soát hiện trường, khoanh vùng ranh giới tiểu khu, khu vực thiết kế	Công			26
-	Biên tập, hoàn chỉnh bản đồ ngoài nghiệp khu vực thiết kế	Công			20
-	Điều tra, đánh giá các biện pháp kỹ thuật lâm sinh tác động: điều tra phân tích điều kiện sinh thái, loài cây trồng phù hợp, kỹ thuật trồng và bảo vệ	Công			17

1.2. Nhiệm vụ Khảo sát và dự báo nhu cầu giao thông

- Khảo sát và dự báo nhu cầu giao thông nhằm mục đích cung cấp cơ sở dữ liệu xác định quy mô, cấp hạng đường và cơ sở để phân tích hiệu quả đầu tư dự án. Hoạt động khảo sát và dự báo nhu cầu giao thông sẽ được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giao thông Vận tải tại Quyết định 543/QĐ-BGTVT ngày 21/3/2018 của Bộ GTVT về việc ban hành “Hướng dẫn về yêu cầu chung đối với công tác điều tra, khảo sát lưu lượng, tải trọng và dự báo giao thông phục vụ công tác lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ

- Phạm vi khảo sát: Ngoài số liệu giao thông sẵn có thu thập được trên các tuyến Quốc Lộ, ... (nếu có), tại bước nghiên cứu tiền khả thi này cần khảo sát bổ sung dữ liệu đếm xe tại một số nút giao, đường ngang kết nối với tuyến đường Dự án đầu tư xây dựng đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau, đồng thời tiến hành phỏng vấn lấy thông tin từ người dân tham gia giao thông trong khu vực về nhu cầu đi lại.

- Trên cơ sở các kết quả khảo sát và nghiên cứu giao thông đã được thực hiện trước đây tại khu vực dự án, nghiên cứu này sẽ kế thừa, tận dụng các dữ liệu sẵn có và tổ chức khảo sát bổ sung tại các vị trí cụ thể theo các nguyên tắc sau: i) Là tuyến đường giao thông/ nút giao quan trọng kết nối với tuyến Dự án đầu tư xây dựng đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau trong tương lai; ii) Có lưu lượng điển hình, đặc trưng cho luồng giao thông trong khu vực; iii) Có lưu lượng giao thông bị ảnh hưởng đáng kể khi dự án tuyến được hình thành; iv) Không trùng lặp với các vị trí khảo sát giao thông của các dự án trước đây (có thể tận dụng kết quả). Trên nguyên tắc đó, 4 vị trí dự kiến bố trí các trạm khảo sát giao thông như sau:

Trạm số	Địa điểm khảo sát giao thông	Nội dung khảo sát	Số hướng khảo sát
1	Điểm đầu tuyến giao với QL.63 tại xã Tân Yên, tỉnh An Giang	Đếm xe + phỏng vấn O-D	2
2	Mặt cắt ngang đường ĐT.968, xã Đông Hòa, tỉnh An Giang	Đếm xe + phỏng vấn O-D	2
3	Mặt cắt ngang đường ĐT.965B, xã Vân Khánh, tỉnh An Giang	Đếm xe + phỏng vấn O-D	2
4	Mặt cắt ngang đường Xuyên Á, xã An Minh, tỉnh An Giang	Đếm xe + phỏng vấn O-D	2

- Nội dung công việc:

+ Công tác chuẩn bị kế hoạch khảo sát;

+ Điều tra, khảo sát lưu lượng giao thông;

+ Điều tra, phỏng vấn O-D;

+ Xử lý và nhập dữ liệu;

+ Dự báo nhu cầu giao thông: Xây dựng mô hình giao thông năm hiện trạng;

Xây dựng mô hình giao thông năm tương lai; Lập báo cáo khảo sát và dự báo nhu cầu giao thông; Hoàn thiện bảo vệ kết quả.

1.3. Nhiệm vụ Khảo sát, mô phỏng đánh giá thủy động lực phục vụ thiết kế công trình

- Khảo sát, mô phỏng đánh giá thủy động lực mục đích nhằm 138. Thu thập, cung cấp các số liệu đầy đủ phù hợp để thực hiện nghiên cứu, đánh giá hiện trạng về thủy động lực phục vụ thiết kế trồng rừng và đê chắn sóng bảo vệ bờ biển khu vực dự án. 139. Nội dung, quy mô đầu tư Dự án tuân thủ theo Chủ trương đầu tư dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 28/6/2025.

- Phạm vi khảo sát, tính toán:

+ Phạm vi khảo sát: Toàn bộ dải bờ biển từ cống kênh Thứ Nhất đến cống Kênh Thứ Chín, bao trùm hệ thống kè chắn sóng dọc bờ biển từ vị trí kênh Thứ Hai Km20+650 đến kênh Xẻo Bần Km35+770 có chiều dài khoảng 23km.

+ Phạm vi tính toán: Toàn bộ bờ biển An Giang kéo đến cửa Bàu Háp, ra phía biển khoảng 210km.

- Phương pháp đánh giá: Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu được thực hiện bằng cách kế thừa các nghiên cứu trước đây về xói lở bờ biển, kết hợp phân tích số liệu quan trắc khí hậu, thủy văn, bùn cát và địa hình để nhận diện các yếu tố chính ảnh hưởng đến quá trình bồi xói ven biển; đồng thời tiến hành khảo sát hiện trường nhằm đánh giá tác động khi xây dựng công trình, và cuối cùng sử

dụng mô hình toán để mô phỏng, phân tích chi tiết chế độ thủy hải văn, diễn biến bờ biển phục vụ thiết kế đê giảm sóng và trồng rừng ngập mặn.

- Phương pháp điều tra, khảo sát và đánh giá thực trạng: Điều tra thu thập tài liệu, số liệu khí tượng, hải văn, địa hình, địa chất, bùn cát và công trình, hạ tầng... khu vực dự án.

+ Tổng hợp đánh giá tổng quan các nghiên cứu liên quan đến khu vực dự án;

+ Thu thập, tổng hợp tài liệu về khí tượng, thủy - hải văn, địa hình, địa chất công trình, ... khu vực dự án.

+ Thu thập thống kê toán - lý để phân tích, đánh giá chuỗi số liệu.

- Phương pháp khảo sát thực địa được tiến hành nhằm bổ sung và kiểm chứng các tài liệu kê thừa, tập trung chủ yếu tại khu vực xây dựng công trình và các vùng lân cận chịu ảnh hưởng của dự án, với mục tiêu thu thập đầy đủ số liệu về địa hình, chế độ hải văn, bùn cát để phục vụ tính toán và lập mô hình toán 2D chi tiết cho đoạn bờ biển nghiên cứu. Khảo sát chỉ được thực hiện tại những khu vực thiếu hoặc không có dữ liệu, đồng thời tận dụng tối đa kết quả từ các nghiên cứu, dự án và số liệu từ các cơ quan ngành liên quan đã được thực hiện trước đó. Quá trình khảo sát sử dụng các thiết bị hiện đại như máy đo sâu hồi âm ODOM kết hợp GPS Trimble R9 hoặc các thiết bị đo sâu, định vị tương đương, cùng với máy đo tự động tổng hợp các yếu tố sóng và dòng chảy AWAC hoặc thiết bị có tính năng tương đương, nhằm đảm bảo thu thập số liệu chính xác và phục vụ hiệu quả cho công tác mô phỏng, phân tích và thiết kế công trình.

- Phương pháp mô hình toán được áp dụng để mô phỏng chế độ thủy động lực và biến đổi hình thái bờ biển trong vùng nghiên cứu, cả trong hiện trạng và các kịch bản sau khi xây dựng công trình. Dự án dự kiến sử dụng các mô hình toán số 2D, như MIKE 21/3 Coupled FM của Viện Thủy lực Đan Mạch, nhằm đánh giá các yếu tố thủy động lực và cung cấp các thông số cần thiết phục vụ thiết kế công trình.

- Nội dung công việc thực hiện:

+ Thu thập, chỉnh lý các tài liệu cơ bản phục vụ nghiên cứu

+ Khảo sát bổ sung tài liệu địa hình

+ Khảo sát bổ sung thủy- hải văn

+ Thiết lập và tính toán mô hình thủy động lực: Thiết lập lưới tính toán; Xây dựng lưới tính hai chiều; Thiết lập và mô phỏng các công trình, các điều kiện biên, điều kiện ban đầu và các thông số; Hiệu chỉnh, kiểm định mô hình; Tính toán các kịch bản.

1.4. Nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi

- Nội dung và phạm vi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (NCKT), bao gồm thiết kế cơ sở và các báo cáo liên quan, được thực hiện tuân thủ theo Điều 54 Luật Xây dựng 2014, sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14, Nghị định 175/2024/NĐ-CP và Điều 47 Luật đầu tư công, bao gồm đầy đủ cả cấu

phần xây dựng và phi xây dựng (như thiết kế trồng rừng ngập mặn). Đồng thời, báo cáo NCKT cũng phải phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định 242/2025/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, được thẩm định và phê duyệt theo quy định của Chính phủ Việt Nam, đồng thời được Nhà tài trợ Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) đồng thuận, làm cơ sở thực hiện đàm phán ký kết Hiệp định vay vốn.

- Yêu cầu về quy hoạch: Thiết kế công trình phải đáp ứng các yêu cầu về quy hoạch liên quan, bao gồm Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (Quyết định 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022), Quy hoạch mạng lưới đường bộ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (Quyết định 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021), Quy hoạch tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (Quyết định 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023), cùng các quy hoạch và kế hoạch liên quan khác.

- Yêu cầu về cảnh quan, kiến trúc: Đảm bảo tính hài hòa về cảnh quan, kiến trúc tổng thể toàn khu vực. Có hình dáng kiến trúc phù hợp với tính chất, công năng, ý nghĩa của công trình. Đảm bảo kết nối hài hòa, đồng bộ với các công trình hiện trạng.

- Nội dung, quy mô đầu tư công trình: Các hạng mục dự án được thiết kế theo quy mô đã được phê duyệt tại Quyết định 2062/QĐ-UBND tỉnh Kiên Giang ngày 28/6/2025 về chủ trương Dự án đầu tư xây dựng đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau, hoặc theo các văn bản pháp lý khác do Chủ đầu tư yêu cầu. Hồ sơ thiết kế cắm cọc GPMB được thực hiện theo Luật Giao thông đường bộ số 35/2024/QH15 và Nghị định 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 hướng dẫn thi hành một số điều của luật đường bộ và luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Thời hạn sử dụng công trình:

+ Đối với công trình đường: ≥ 10 năm (Theo TCCS 38/2022/TCĐBVN);

+ Đối với công trình cầu vĩnh cửu: 100 năm (theo TCVN TCVN 11823:2017)

- Công năng sử dụng: Các hạng mục công trình phải đảm bảo mục tiêu đầu tư, các điều kiện ổn định, kết cấu tương ứng với các tổ hợp tải trọng theo các tần suất thiết kế tương ứng với cấp công trình của dự án, kết nối hài hòa, phù hợp với các công trình hiện trạng, tạo cảnh quan kiến trúc đẹp, tăng cường tính kết nối cho khu vực.

- Thực hiện toàn bộ công tác lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo đúng các quy định hiện hành (thuyết minh, bản vẽ cơ sở, lập tổng mức đầu tư...), bao gồm cả công tác lập hồ sơ thiết kế cắm cọc GPMB (nếu có) cho dự án;

- Bố trí đủ nhân sự có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện; cử người có đủ điều kiện năng lực để làm chủ nhiệm dự án, chủ trì thiết kế, các chuyên gia khác theo yêu cầu của E-HSMT;

- Chỉ định cá nhân, bộ phận thuộc tổ chức của mình đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công việc kiểm tra nội bộ chất lượng hồ sơ thiết kế;

- Trình chủ đầu tư hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi để được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng; tiếp thu ý kiến thẩm định và giải trình hoặc chỉnh sửa hồ sơ thiết kế theo thông báo kết quả thẩm định;

- Đề xuất giải pháp thiết kế; vật liệu phù hợp tính năng, chi phí và vận hành sản xuất. - Hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi và cung cấp thêm bản vẽ và có trách nhiệm giải trình trước cơ quan chức năng địa phương (khi có yêu cầu).

- Thực hiện điều chỉnh dự án theo quy định (khi có yêu cầu).

- Nội dung Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi: phải đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn hiện hành, tuân thủ đúng Quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam còn hiệu lực thi hành.

Các yêu cầu kỹ thuật khác:

- Các hạng mục công trình được thực hiện phù hợp với phương án trong Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt. Trên cơ sở đó, các hạng mục sẽ được nghiên cứu và hiệu chỉnh chi tiết nhằm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, kinh tế, giảm thiểu tác động môi trường và thuận lợi trong công tác thu hồi, GPMB. Các cao độ thiết kế cũng phải phù hợp với các quy hoạch liên quan và các dự án đang triển khai lân cận.

- Giải pháp, kế hoạch và định hướng cho từng hợp phần dự án ở bước nghiên cứu khả thi phải tuân thủ Luật Xây dựng và phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu theo yêu cầu của Chính phủ và KfW đối với các dự án trong chương trình Mekong DPO. Các biện pháp tăng cường thích ứng với biến đổi khí hậu có thể bao gồm giải pháp kỹ thuật, giải pháp dựa trên tự nhiên, cũng như các giải pháp “mềm” liên quan đến vận hành và bảo trì đường, cầu. Các tuyến đường bộ cần được đánh giá khả năng chống chịu với rủi ro thiên tai và khí hậu, làm cơ sở ước tính chi phí kinh tế của các sự cố gián đoạn, cả khi có và không có các biện pháp thích ứng.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi phải bao gồm đầy đủ hồ sơ thiết kế trồng rừng ngập mặn, với các nội dung chính: xác định biện pháp kỹ thuật cho từng lô rừng, xây dựng thuyết minh thiết kế, lập bản đồ thiết kế, tính toán dự toán chi phí đầu tư theo từng lô hoặc nhóm lô, và xây dựng kế hoạch thi công theo năm cũng như toàn bộ thời gian thực hiện.

- Trên cơ sở lưu lượng xe dự báo, tổng mức đầu tư và các khoản thu chi, Tư vấn sẽ tiến hành phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đồng thời xây dựng một bộ chỉ số đánh giá có thể đo lường và kiểm chứng. Bộ chỉ số này bao gồm việc xác định các tiêu chí phù hợp cho từng hợp phần của dự án (kinh tế - xã hội, kỹ thuật, môi trường), xây dựng số liệu gốc (baseline) từ hiện trạng trước khi triển khai, và đề xuất các chỉ số chuyên biệt gắn với từng hoạt động như giao thông, khả năng chống chịu khí hậu hay quản lý nguồn nước.

- Việc lập và xác định tổng mức đầu tư của dự án được thực hiện theo Nghị định 10/2021/NĐ-CP, Nghị quyết 05/NQ-CP/2025 và Nghị định 242/2025/NĐ-CP, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành về quản lý chi phí, vốn ODA và vốn vay ưu đãi. Quy trình thực hiện bao gồm: tính toán khối lượng theo hồ sơ

thiết kế cơ sở, lập đơn giá chi tiết dựa trên định mức và thể chế hiện hành, lập đơn giá tổng hợp, xác định chi phí quản lý dự án cùng các chi phí khác, và cuối cùng tổng hợp để xác định tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

- Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và các tài liệu trong dịch vụ tư vấn này sẽ được dịch sang tiếng Anh để gửi xin ý kiến Nhà tài trợ KfW làm cơ sở thẩm định, phê duyệt và ký kết hiệp định vay vốn.

1.5. Nhiệm vụ Thiết kế, cắm cọc phục vụ giải phóng mặt bằng

- Mục đích công tác cắm cọc GPMB: Công tác cắm cọc giải phóng mặt bằng nhằm xác định phạm vi chiếm dụng để xây dựng công trình. Sau đó, bàn giao cho Chủ đầu tư phối hợp với địa phương thực hiện giải phóng mặt bằng theo quy định.

- Nội dung công tác cắm cọc
- + Lập hồ sơ Thiết kế cắm cọc.
- + Định vị vị trí chôn cọc.
- + Đồ cọc giải phóng mặt bằng bằng phương pháp thủ công.
- + Vận chuyên, chôn cọc.
- + Bàn giao cọc cho Chủ đầu tư và địa phương quản lý.
- + Lập hồ sơ hoàn công cắm cọc

- Trên cơ sở hồ sơ thiết kế cơ sở được chấp thuận, công tác thiết kế cắm cọc giải phóng mặt bằng (GPMB) được tiến hành, xác định tọa độ theo hệ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}30'$, múi chiếu 30. Hồ sơ cắm cọc GPMB là một phần của việc giao đất và chuẩn bị mặt bằng xây dựng, đảm bảo phạm vi đủ cho công trình. Sau khi hồ sơ được phê duyệt, đơn vị tư vấn sẽ triển khai cắm cọc tại hiện trường, đồng thời trong quá trình lập và phê duyệt TKBVTC, phạm vi GPMB và cọc GPMB sẽ được điều chỉnh và chuẩn xác nếu cần.

- Công tác cắm cọc GPMB được thực hiện tuân thủ các quy định tại Nghị định 165/2024/NĐ-CP và các quy hoạch đã phê duyệt, không thực hiện trên thực địa đối với kè chắn sóng và rừng ngập mặn mà chỉ xác định phạm vi trên bản đồ. Trên đất liền, cọc GPMB được bố trí trùng với cọc tim tuyến, khoảng cách và vị trí cắm theo cấp đường, địa hình và khu vực dân cư, với phạm vi ngang tuyến, cầu, cống lớn được quy định cụ thể. Quy trình thực hiện bao gồm chế tạo cọc tại bãi đúc, vận chuyên và cắm cọc tại hiện trường, định vị bằng hệ thống mốc khống chế và GPS, đồng thời cập nhật các điều chỉnh vào bảng tọa độ và bản vẽ hoàn công. Toàn bộ hệ thống mốc và hồ sơ hoàn công sẽ được bàn giao đầy đủ sau khi hoàn thành.

1.6. Nhiệm vụ Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

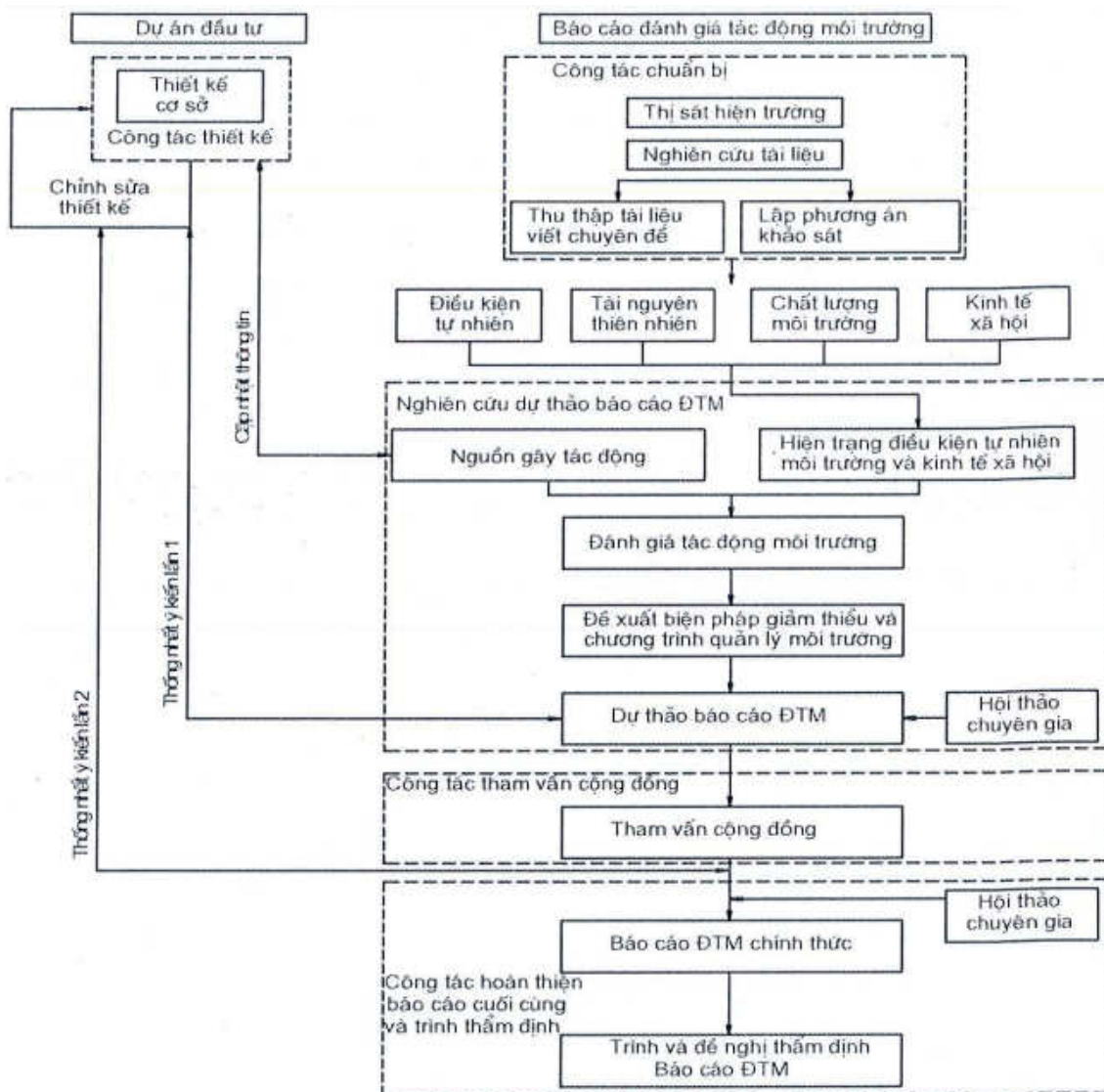
- Mục đích lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) là nhằm dự báo, phân tích và đánh giá các tác động có thể xảy ra đối với môi trường tự nhiên và xã hội trong quá trình chuẩn bị, xây dựng, vận hành và kết thúc dự án, từ đó đề

xuất các giải pháp quản lý, phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động tiêu cực và phát huy tác động tích cực. Kết quả thực hiện ĐTM phải được UBND tỉnh An Giang phê duyệt, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền của Việt Nam thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.

- Phạm vi, quy mô thực hiện Dự án tuân thủ theo Chủ trương đầu tư dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 28/6/2025.

- Dự án nhóm B theo luật Đầu tư công năm 2024. Phạm vi thực hiện dự án trên địa bàn 6 xã của tỉnh An Giang (khu vực huyện An Minh và huyện An Biên tỉnh Kiên Giang trước đây), với diện tích đất thu hồi khoảng 187,7 ha. Căn cứ Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, dự án thuộc đối tượng phải thực hiện Đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 30 Luật BVMT, và thẩm quyền thẩm định báo cáo Đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài nguyên và Nông nghiệp phân cấp do UBND tỉnh An Giang thực hiện theo khoản 7 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

- Trình tự triển khai công tác khảo sát, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.



Nội dung công việc bao gồm:

- Công tác khảo sát, điều tra, thu thập số liệu khu vực dự án:
 - + Điều kiện tự nhiên;
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải và đặc điểm chế độ thủy, hải văn;
 - + Điều kiện kinh tế - xã hội;
 - + Nhu cầu đi lại của người dân, tác động của tuyến đường đến đời sống và sinh hoạt;
 - + Hiện trạng chất lượng môi trường (điều tra khảo sát, lấy mẫu quan trắc môi trường nền, tham vấn);
 - + Hiện trạng đa dạng sinh học bao gồm đánh giá các sinh cảnh quan trọng;
 - + Thu thập tài liệu quy hoạch và đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án.
- Công tác lập báo cáo ĐTM:
 - + Xử lý số liệu;

- + Xây dựng báo cáo ĐTM;
- + Tham vấn cộng đồng
- Hoàn thiện hồ sơ để trình thẩm định, phê duyệt.

1.7. Nhiệm vụ Lập báo cáo đánh giá ban đầu về tác động môi trường và xã hội (ESIA)

Mục tiêu chính của nhiệm vụ Lập báo cáo đánh giá ban đầu về tác động môi trường và xã hội là nhận diện, dự báo, phân tích và quản lý toàn diện các tác động môi trường – xã hội của dự án, từ đó đề xuất các biện pháp và kế hoạch quản lý nhằm bảo đảm dự án phù hợp với định hướng phát triển bền vững, đồng thời tuân thủ yêu cầu pháp luật Việt Nam và các chuẩn mực quốc tế như Tiêu chuẩn môi trường và xã hội của Ngân hàng Thế giới (WB ESS) hay hướng dẫn của các định chế tài chính khác (KfW, AFD, IFC).

Nội dung công việc bao gồm:

- Thu thập và xem xét các tài liệu pháp lý, quy hoạch, tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, dữ liệu khí tượng, thủy văn, dân số, kinh tế.
- Thị sát hiện trường để xác định ranh giới kỹ thuật, môi trường và xã hội.
- Lập kế hoạch khảo sát bổ sung và tham vấn cộng đồng, cơ quan quản lý.
- Đánh giá hiện trạng sơ bộ và khoanh vùng các vấn đề, rủi ro trọng yếu (môi trường, xã hội, an toàn).
- Nhận diện, phân tích và dự báo tác động tiềm ẩn của dự án.
- Đề xuất biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục hoặc bù đắp, và xây dựng ESMP.
- Tuân thủ pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế (ESF, ESS), tận dụng ĐTM và bổ sung các nghiên cứu chuyên biệt.
- Trình cơ quan chuyên môn cấp tỉnh xin ý kiến, công khai cho cộng đồng, và được Nhà tài trợ KfW phê duyệt.

Nội dung Báo cáo ESIA và ESMP bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

Phần 1. Giới thiệu

1. Bối cảnh và mục tiêu dự án
2. Sự cần thiết của dự án
3. Mục tiêu và phạm vi của ESIA
4. Phương pháp và cách tiếp cận

Phần 2. Mô tả dự án

1. Vị trí địa lý và phạm vi dự án
2. Quy mô và hạng mục chính
3. Công nghệ và phương án kỹ thuật áp dụng

4. Các hoạt động chính trong từng giai đoạn (chuẩn bị, xây dựng, vận hành, chấm dứt)
5. Các phương án thay thế (nếu có)

Phần 3. Cơ sở pháp lý và chính sách

1. Quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến môi trường và xã hội
2. Các tiêu chuẩn, hướng dẫn quốc tế áp dụng (WB ESS, IFC PS, ADB Safeguards, v.v.)
3. So sánh và xác định khoảng trống giữa luật quốc gia và chuẩn quốc tế

Phần 4. Hiện trạng môi trường – xã hội (Baseline Conditions)

1. Điều kiện tự nhiên: khí hậu, thủy văn, địa chất, đất đai
2. Chất lượng môi trường: nước mặt, nước ngầm, không khí, tiếng ồn, đa dạng sinh học
3. Điều kiện kinh tế – xã hội: dân số, hạ tầng, sinh kế, thu nhập, sức khỏe, giáo dục
4. Yếu tố văn hóa – xã hội: di sản, tôn giáo, phong tục tập quán
5. Nhóm dễ bị tổn thương: hộ nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số

Phần 5. Đánh giá tác động môi trường và xã hội

1. Phương pháp đánh giá tác động
2. Nhận diện tác động tiềm ẩn theo giai đoạn:
 - Chuẩn bị và giải phóng mặt bằng
 - Xây dựng
 - Vận hành
 - Đóng dự án (nếu có)
3. Phân tích mức độ tác động (phạm vi, cường độ, thời gian, tính hồi phục)
4. Đánh giá tác động tích cực và tiêu cực
5. Dự báo xu thế dài hạn (biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sạt lở, gia tăng giao thông...)

Phần 6. Tham vấn các bên liên quan

1. Nguyên tắc và phương pháp tham vấn
2. Danh mục các bên liên quan chính
3. Nội dung và kết quả tham vấn cộng đồng
4. Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại (GRM)

5. Cách phản hồi ý kiến cộng đồng trong ESIA

Phần 7. Biện pháp giảm thiểu và tăng cường

1. Các biện pháp tránh – giảm thiểu – khắc phục – bù đắp
2. Giải pháp kỹ thuật & quản lý môi trường
3. Giải pháp xã hội: tái định cư, phục hồi sinh kế, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương
4. Giải pháp quản lý rủi ro đặc thù: OHS, sức khỏe cộng đồng, GBV/SEAH, UXO, dịch bệnh

Phần 8. Kế hoạch Quản lý Môi trường – Xã hội (ESMP)

1. Ma trận tác động – biện pháp giảm thiểu
2. Kế hoạch giám sát môi trường – xã hội
3. Kế hoạch quản lý an toàn lao động và sức khỏe cộng đồng
4. Kế hoạch tái định cư và phục hồi sinh kế (RAP/LRP)
5. Kế hoạch quản lý đa dạng sinh học (BMP)
6. Kế hoạch ứng phó khẩn cấp
7. Cơ chế GRM chi tiết
8. Cơ cấu tổ chức, phân công trách nhiệm
9. Nhu cầu đào tạo, nâng cao năng lực
10. Kinh phí thực hiện ESMP

Phần 9. Kết luận và kiến nghị

1. Tóm tắt các tác động chính và biện pháp giảm thiểu
2. Tính khả thi của dự án về môi trường – xã hội
3. Kiến nghị đối với cơ quan thẩm định và nhà tài trợ

Phụ lục

- Bản đồ, sơ đồ dự án
 - Số liệu khảo sát hiện trường
 - Biên bản tham vấn cộng đồng
 - Hình ảnh minh họa
- Bảng dữ liệu môi trường – xã hội chi tiết

1.8. Nhiệm vụ Lập kế hoạch hành động tái định cư và phục hồi sinh kế (RAP/LRP)

- Kế hoạch hành động tái định cư và phục hồi sinh kế (RAP/LRP) được lập nhằm đảm bảo mọi hộ dân bị thu hồi đất, di dời hoặc chịu tác động từ dự án đều được bồi thường công bằng, hỗ trợ thỏa đáng và có điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn trước. Đây là yêu cầu tuân thủ pháp luật Việt Nam về đất đai, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là ESS5 của Ngân hàng Thế giới. RAP/LRP không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro xã hội, bảo vệ quyền lợi người dân, tạo sự đồng thuận cộng đồng mà còn là tài liệu cần thiết phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, thẩm định và phê duyệt vốn vay từ KfW, hướng đến sự phát triển bền vững.

- Quá trình lập RAP/LRP bao gồm một chuỗi hoạt động đồng bộ: khảo sát thiệt hại sơ bộ (IOL), khảo sát tiện ích công cộng và chi phí thay thế (RRCS), kiểm kê đất đai, tài sản, điều tra kinh tế – xã hội để xác định nhóm người bị ảnh hưởng, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương như hộ nghèo, phụ nữ làm chủ hộ, người cao tuổi, người khuyết tật, dân tộc thiểu số. Song song, dự án tổ chức tham vấn cộng đồng và các bên liên quan, công khai thông tin chính sách bồi thường, phương án tái định cư, đồng thời thiết lập cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) minh bạch và công bằng.

- Trên cơ sở khảo sát và tham vấn, dự án xây dựng chính sách bồi thường, hỗ trợ theo nguyên tắc giá thay thế, đảm bảo công bằng và minh bạch, đồng thời bổ sung hỗ trợ đặc biệt như đào tạo nghề, chuyển đổi sinh kế, trợ cấp tạm cư. Việc định giá đất, tài sản, cây trồng, công trình phải tham chiếu cả giá thị trường để phản ánh thực tế. Từ đó, tư vấn lập kế hoạch RAP/LRP đầy đủ với các nội dung: phạm vi ảnh hưởng, cơ sở pháp lý, chính sách bồi thường, phương án tái định cư, chương trình phục hồi sinh kế, cơ chế tham vấn – khiếu nại, kế hoạch thực hiện và kinh phí. Kế hoạch chỉ được triển khai sau khi được cơ quan có thẩm quyền và nhà tài trợ phê duyệt, đồng thời kinh phí bồi thường đã được bố trí đầy đủ, nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người dân.

Nội dung Báo cáo Kế hoạch Tái định cư và Phục hồi sinh kế (RAP/LRP) dự kiến như sau:

Phần 1: Giới thiệu

- 1.1. Bối cảnh dự án
- 1.2. Mục tiêu của RAP/LRP
- 1.3. Phạm vi áp dụng

Phần 2: Mô tả dự án

- 2.1. Các hạng mục công trình
- 2.2. Phạm vi thu hồi đất và diện tích ảnh hưởng
- 2.3. Các cộng đồng và khu vực bị ảnh hưởng

Phần 3: Cơ sở pháp lý và chính sách

- 3.1. Khung pháp lý của Việt Nam về đất đai và tái định cư

3.2. Các chính sách, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng (WB ESS5, ADB SPS, KfW Guidelines...)

3.3. So sánh pháp luật Việt Nam và chuẩn quốc tế

3.4. Nguyên tắc bồi thường và hỗ trợ

Phần 4: Điều tra kinh tế - xã hội và hiện trạng khu vực bị ảnh hưởng

4.1. Phương pháp khảo sát

4.2. Đặc điểm dân số và nhân khẩu học

4.3. Thu nhập, sinh kế và điều kiện sống

4.4. Các nhóm dễ bị tổn thương (hộ nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số...)

4.5. Cơ sở hạ tầng và dịch vụ xã hội hiện có

Phần 5: Phạm vi tác động tái định cư

5.1. Diện tích đất bị thu hồi (đất ở, đất nông nghiệp, đất công)

5.2. Nhà cửa, công trình và tài sản khác bị ảnh hưởng

5.3. Hộ gia đình bị ảnh hưởng (PAPs): số lượng, phân loại

5.4. Các tác động tạm thời và vĩnh viễn

Phần 6: Nguyên tắc và chính sách bồi thường, hỗ trợ

6.1. Nguyên tắc bồi thường theo giá thay thế

6.2. Chính sách bồi thường cho từng loại đất, tài sản

6.3. Chính sách hỗ trợ bổ sung (tái định cư, chuyển đổi nghề, hỗ trợ sinh kế...)

6.4. Biện pháp đặc thù cho nhóm dễ bị tổn thương

Phần 7: Tham vấn cộng đồng và cơ chế khiếu nại

7.1. Quá trình tham vấn đã thực hiện

7.2. Kết quả tham vấn và phản hồi của người dân

7.3. Kế hoạch tham vấn trong quá trình thực hiện

7.4. Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM)

Phần 8: Kế hoạch tái định cư

8.1. Vị trí và phương án tái định cư (nếu có di dời)

8.2. Thiết kế hạ tầng tại khu tái định cư

8.3. Biện pháp hỗ trợ chuyển đổi chỗ ở và hòa nhập cộng đồng mới

Phần 9: Kế hoạch phục hồi sinh kế (Livelihood Restoration Plan – LRP)

9.1. Đánh giá nhu cầu phục hồi sinh kế

9.2. Các chương trình hỗ trợ sinh kế: đào tạo nghề, hỗ trợ tín dụng, mô hình sản xuất mới

9.3. Biện pháp phục hồi thu nhập cho hộ mất đất sản xuất

9.4. Hỗ trợ đặc biệt cho nhóm yếu thế

Phần 10: Kế hoạch thực hiện

10.1. Các bước triển khai RAP/LRP

10.2. Lộ trình thực hiện bồi thường, tái định cư và phục hồi sinh kế

10.3. Trách nhiệm của các cơ quan, ban ngành

Phần 11: Kế hoạch giám sát và đánh giá

11.1. Giám sát nội bộ

11.2. Giám sát độc lập (nếu yêu cầu bởi nhà tài trợ)

11.3. Các chỉ số giám sát chính (thu nhập, mức sống, tỷ lệ khiếu nại, mức độ hài lòng của dân cư)

Phần 12: Dự toán kinh phí và nguồn vốn

12.1. Nguyên tắc tính toán kinh phí

12.2. Dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phục hồi sinh kế

12.3. Nguồn vốn và cam kết giải ngân

Phụ lục

- Bản đồ khu vực bị ảnh hưởng
- Biểu mẫu khảo sát hộ dân
- Biên bản tham vấn cộng đồng
- Bảng giá đất và tài sản áp dụng
- Các tài liệu tham khảo

1.9. Báo cáo đánh giá rủi ro biến đổi khí hậu (CCRA) và tuân thủ cam kết Paris về giảm phát thải

- Kế hoạch đánh giá rủi ro biến đổi khí hậu (CCRA) và tuân thủ cam kết Paris về giảm phát thải khí nhà kính là nội dung quan trọng để dự án phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững, đặc biệt tại vùng ĐBSCL. Báo cáo này nhằm xác định các rủi ro khí hậu có thể ảnh hưởng đến dự án (nước biển dâng, mưa bão cực đoan, xâm nhập mặn, lũ, hạn hán...), đồng thời đảm bảo dự án vừa thích ứng hiệu quả vừa góp phần thực hiện Đóng góp quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam theo Thỏa thuận Paris.

- Quy trình CCRA bao gồm: Xác định bối cảnh và mục tiêu đánh giá; Thu thập dữ liệu và lựa chọn kịch bản biến đổi khí hậu từ nguồn trong nước và quốc tế; đánh giá rủi ro theo mức độ phơi nhiễm, tính dễ bị tổn thương và năng lực

thích ứng. Kết quả được thể hiện qua ma trận rủi ro và tích hợp với mô hình toán thủy động lực để đảm bảo khách quan, chính xác. Từ đó, dự án đề xuất các biện pháp thích ứng như điều chỉnh thiết kế công trình, cải thiện hệ thống thoát nước, sử dụng vật liệu bền vững, chuyển đổi sinh kế và nâng cao năng lực ứng phó cộng đồng.

- Song song với đánh giá rủi ro, dự án còn tính toán phát thải khí nhà kính trong suốt vòng đời (thi công, vận hành, tiêu thụ năng lượng), quy đổi ra CO₂eq và so sánh với kịch bản cơ sở. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch giảm phát thải phù hợp với NDCs và cam kết Paris, bao gồm sử dụng năng lượng tái tạo, áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, giao thông xanh, vật liệu thân thiện môi trường. Các biện pháp được kiểm chứng bằng hệ thống MRV để đảm bảo minh bạch. Cuối cùng, báo cáo CCRA và kế hoạch giảm phát thải sẽ được tham vấn với các bên liên quan trước khi tích hợp vào báo cáo nghiên cứu khả thi và hồ sơ dự án.

Thông qua quy trình này, Báo cáo CCRA và Kế hoạch tuân thủ cam kết Paris sẽ giúp dự án ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, nâng cao tính bền vững, đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu giảm phát thải quốc gia, phù hợp với lộ trình phát triển kinh tế xanh và cam kết quốc tế của Việt Nam. Nội dung báo cáo bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

- + Mục tiêu, nội dung, đối tượng, phạm vi và phương pháp đánh giá
- + Đặc điểm khu vực và đối tượng đánh giá
- + Phân tích kịch bản biến đổi khí hậu
- + Phân tích dự báo phát triển kinh tế - xã hội và tài liệu khác có liên quan
- + Kết quả đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tính dễ bị tổn thương, rủi ro và tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu (trường hợp có và không có dự án), đánh giá tích hợp mô hình thủy động lực đã được xây dựng
- + Đề xuất các giải pháp thích ứng, giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu áp dụng trong dự án
- + Xây dựng kế hoạch thực hiện và cơ chế phối hợp thực hiện
- + Đánh giá sự phù hợp của dự án với tuân thủ cam kết Paris về giảm phát thải.

(Chi tiết nội dung, khối lượng của các nhiệm vụ nêu trên được quy định chi tiết theo nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án được phê duyệt)

2. Tiến độ thực hiện gói thầu, hợp đồng: Tối đa không quá 150 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

3. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn: Nhà thầu tiến hành khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường và các báo cáo môi trường xã hội, tái định cư, biến đổi khí hậu và thiết kế, cấm cọc phục vụ công tác GPMB theo đúng quy định.

4. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Hồ sơ được giao nộp theo cả 2 dạng: Hồ sơ giấy và tập tin máy tính ở định dạng gốc (word, excel, autocad...) và định dạng pdf, ngoại trừ các tài liệu ngoại nghiệp bằng bản giấy như sổ đo đạc, nhật ký công tác hiện trường. Số lượng hồ sơ giao nộp được cụ thể hóa tại hợp đồng kinh tế với Nhà thầu.

Hồ sơ giao nộp bao gồm nhưng không hạn chế các loại hồ sơ, tài liệu sau:

TT	Tên sản phẩm	Tiến trình giao nộp	Ngôn ngữ
1	Phương án kỹ thuật khảo sát, kế hoạch triển khai dịch vụ	Ngày thứ 3	Tiếng Việt
2	Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng	Ngày thứ 60	Tiếng Việt
3	Báo cáo khảo sát và dự báo nhu cầu giao thông	Ngày thứ 60	Tiếng Việt và Tiếng Anh
4	Báo cáo mô phỏng đánh giá thủy động lực	Ngày thứ 60	Tiếng Việt và Tiếng Anh
5	Báo cáo đánh giá tác động môi trường ĐTM	Ngày thứ 75	Tiếng Việt và Tiếng Anh
6	Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án	Ngày thứ 90	Tiếng Việt và tiếng Anh
7	Báo cáo đánh giá rủi ro biến đổi khí hậu (CCRA) và tuân thủ cam kết paris về giảm phát thải	Ngày thứ 90	Tiếng Việt và tiếng Anh
8	Báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA)	Ngày thứ 120	Tiếng Việt và tiếng Anh
9	Kế hoạch tái định cư và phục hồi sinh kế (RAP/LRP)	Ngày thứ 150	Tiếng Việt và tiếng Anh
10	Hồ sơ hoàn công cấm cọc GPMB	Ngày thứ 150	Tiếng Việt

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Quy định tại Mục 2 Chương III của E-HSMT

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Hướng dẫn, tạo mọi điều kiện để nhà thầu tiếp được tiếp cận với công trình, dự án trong quá trình tham dự thầu.
- Cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan đến gói thầu, dự án.
- Sau khi ký kết hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ cử người có đủ năng lực để làm việc với nhà thầu tư vấn trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.
- Các công việc khác theo quy định của pháp luật nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện hợp đồng.